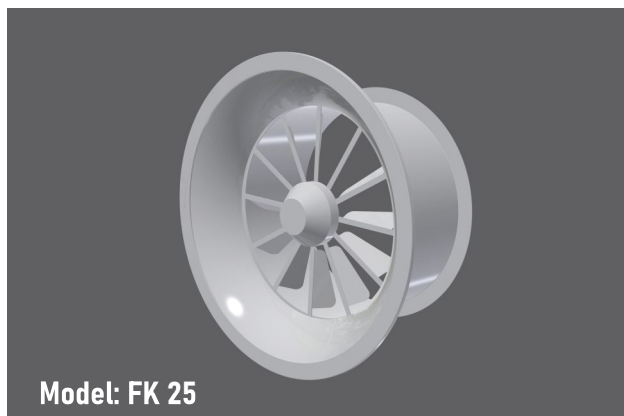


CỬA KHUẾCH TÁN CẢNH XOẮN



Model:
FK 25

CỬA KHUẾCH TÁN CÁNH XOẮN



Model: FK 25

ỨNG DỤNG CHÍNH

Cửa khuếch tán cánh xoắn thích hợp cho hệ thống phân phối khí lạnh với mức lưu lượng và khoảng chênh nhiệt cao.

Cửa có thể đáp ứng với kiểu cấp khí lưu lượng cố định hoặc biến thiên. Cấu tạo cánh xoắn tạo hiệu ứng tỏa đều cao cho phép các mức biến thiên dòng cấp lớn.

Với thù hình khí có độ chìm nông, cửa có thể áp dụng cho những không gian có trần thấp

VẬT LIỆU

- Khung/nan: nhôm liền tấm dày 1.0mm mác A1060.

HOÀN THIỆN

- Màu tiêu chuẩn: sơn tĩnh điện trắng mờ mã RAL 9010 (có tùy chọn màu theo hệ RAL)

KÍCH THƯỚC

- Tùy chọn (xem bảng)

ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

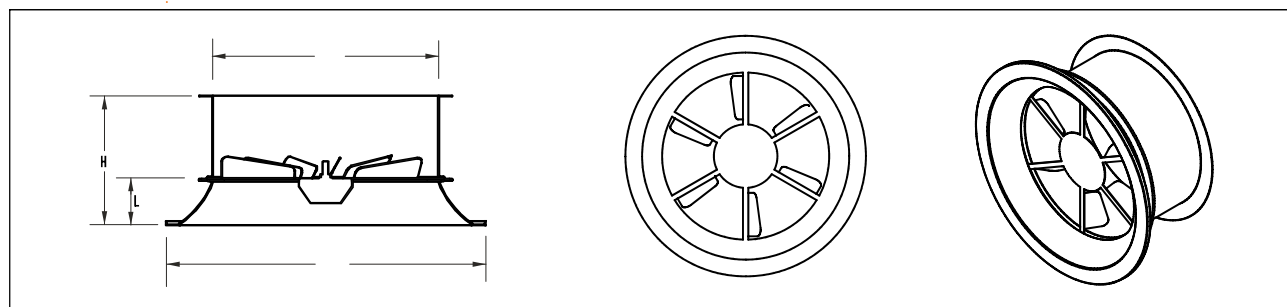
- Lối cửa hình cánh xoắn tạo cự ly cấp lớn hơn

ỨNG DỤNG

- Khi có yêu cầu về cự ly/dung lượng
- Gắn trần, tường

CÁC TÙY CHỌN PHỤ KIỆN

CHI TIẾT CẤU TẠO



BẢNG CỖ CỬA

(mm)

Mã sản phẩm	Cỡ mặt (ØD)	Cỡ cổ (ØN)	L	H
FK 25 200	300	200	43	148
FK 25 250	360	250	43	167
FK 25 315	465	315	67	208
FK 25 400	568	400	80	230
FK 25 450	598	450	65	380
FK 25 500	700	500	105	260
FK 25 630	877	630	130	300

MÃ ĐẶT HÀNG

FK 25 - D - RAL

Cửa tiêu chuẩn Tùy chọn: mã màu RAL

Cỡ cổ

Ví dụ: **FK 25-400-M** = Cửa khuếch tán cánh xoắn FK25, cỡ cổ 400, màu trắng



THÔNG SỐ HOẠT ĐỘNG

Cỡ cổ (ØN)	Lưu lượng (m³/h)	Sút áp (Pd)	Độ ồn dB(A)
315	200	3.9	12
	300	8.6	21
	400	15.0	28
	500	24.0	31
	600	34.5	34
	700	47.0	38
	800	62.0	43
	1000	95.0	48
	1200	150.0	53
	1600	248.0	56
400	400	5.8	16
	500	9.0	24
	600	13.0	29
	700	17.7	32
	800	23.0	35
	1000	36.0	40
	1200	52.0	43
	1600	92.0	48
	2000	144.0	52
	2500	225.0	55
500	800	9.0	18
	900	11.4	22
	1000	13.85	28
	1250	21.7	33
	1600	35.6	37
	2000	55.8	40
	2500	87.2	44
	3000	126.0	48
	3200	142.0	52
	3500	171.0	56
630	1200	8.5	26
	1400	11.5	31
	1600	15.0	36
	2000	23.0	39
	2500	37.0	43
	3000	53.0	46
	3500	72.0	49
	4000	94.0	52
	4500	119.0	56
	5000	147.0	60

Cự ly thổi - chế độ cấp khí tươi

Lưu lượng (m³/h)	400	500	600	800	1000	1200	1600	2000	2500	3000	3500	5000	6000	7000	8000	9000	10000
315	3.5	4.3	5.2	7.1	8.8	10.4	13.3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Ø400	2.5	3.2	3.9	5.2	6.5	7.9	9.8	13.1	16.5	-	-	-	-	-	-	-	-
Ø500	-	-	-	3.4	4.6	6.4	7.8	9.7	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Ø630	-	-	-	-	3.6	4.7	5.7	8.0	10.0	12.0	16.5	20.1	-	-	-	-	-